

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 30-11-2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 25-10-2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án, là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm T, sinh năm; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

- *Đông bị đơn*:

+ Anh Trần M, sinh năm;

+ Chị Ngô T, sinh năm

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần M và chị Ngô T trả cho ông Phạm T tổng số tiền 292.000.000đồng (*Hai trăm chín mươi hai triệu đồng*), trong đó: Tiền vay là 230.000.000đồng; tiền lãi tính từ ngày vay tiền đến thời điểm trả nợ là 62.000.000đồng. Việc trả nợ được thực hiện như sau:

- Ngày 16-01-2023: Anh Trần M và chị Ngô T trả cho ông Phạm T số tiền: 150.000.000đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*);

- Ngày 04-02-2024: Anh Trần M và chị Ngô T trả cho ông Phạm T toàn bộ số tiền nợ còn lại là 142.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu đồng*).

2.2. Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu anh Trần M và chị Ngô T không trả đủ số tiền phải thanh toán theo thỏa thuận nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên đương sự là 15%/năm.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bên đương sự phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.300.000đồng (Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng), trong đó:

- Anh Trần M và chị Ngô T tự nguyện chịu 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Phạm T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm còn lại là 3.300.000đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 5.750.000đồng mà ông Phạm T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004146 ngày 25-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả lại cho ông Phạm T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.450.000đồng (Hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ